TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST Ngày 18-9-2018 V/v tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Pho

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Huy Xuân

Bà Trần Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 90/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988
Nơi cư trú: Tổ 7, ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1984
HKTT: Tổ 7, ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Chỗ ở: Tổ 18, thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông A vắng mặt, Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản làm việc tại Tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn A tìm hiểu nhau rồi đi đến chung sống vào năm 2013. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 13/5/2013. Bà T và ông A đều là người khuyết tật có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Sau khi kết hôn bà T và ông A về sống chung với nhau tại tổ 7, ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, được sự giúp đỡ của hai gia đình hai bên, cuộc sống giữa bà T và ông A cũng đỡ

bớt nhiều khó khăn. Tuy nhiên đến ngày 03/5/2016 cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông A không còn hòa hợp nữa mà thường xuyên bất đồng quan điểm cãi vả nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Ông A về lại nhà cha mẹ ruột ở Tổ 18, thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sinh sống và giữa bà T và ông A ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà T và ông A có 01 con chung tên là Nguyễn An Thương M, sinh ngày 01/3/2014. Bà T có nguyện vọng nuôi cháu M và tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo lời khai của ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T tìm hiểu nhau rồi đi đến chung sống vào năm 2013. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu vào ngày 13/5/2013. Sau khi kết hôn ông A và bà T sống chung với nhau tại tổ 7, ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông A cho rằng vợ chồng không hòa hợp nhau, cãi vả nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tôn trọng nhau, bà T không chịu về bên gia đình ông A để sinh sống, nên ông A về ở tại tổ 18, thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay. Nay bà T xin ly hôn thì ông A không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án xét xử đúng quy định pháp luật. Ông A và bà T có 01 con chung tên là Nguyễn An Thương M, sinh ngày 01/3/2014. Bà T có nguyện vọng nuôi cháu M, ông A đồng ý giao cháu M cho bà T nuôi dưỡng. Ông A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà T, Tòa án triệu tập ông A để làm việc, ông A đến Tòa làm việc không đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T. Về con chung: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Nguyễn An Thương M cũng như sự thỏa thuận của bà T và ông A nên cần giao cháu M cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn A sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, nay bà T xin ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nơi cư trú của ông Nguyễn Văn A là xã E, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử là đúng theo quy định tại các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn A sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên bà T và ông A đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà T, Tòa án triệu tập ông A để làm việc ông A không đồng ý ly hôn, bà T có đơn xin xử vắng mặt vì tình cảm giữa bà T và ông A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện nay thì bà T và ông A đã ly thân với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân bà T và ông A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống thì bà T và ông A có 01 con chung là Nguyễn An Thương M, sinh ngày 01/3/2014. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M đến tuổi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi bà T và ông A ly thân từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay thì bà T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M cuộc sống cháu M ổn định. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu M và sự thỏa thuận của bà T và ông A nên cần giao cháu M cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn A.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn A có 01 con chung là Nguyễn An Thương M, sinh ngày 01/3/2014.

Bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn An Thương M, sinh ngày 01/3/2014 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Ông Nguyễn Văn A không cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số 0006377 ngày 28/3/2017.

Hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/9/2018); Bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn A vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TA.tỉnh Bà Rịa VũngTàu;
-VKSND H. Châu Đức;
-Chi cục THA Dân sự H.Châu Đức;
-Các đương sự;
-UBND xã A, huyện B;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Pho